

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2 6 4 4/QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức đối với một số sản phẩm Sorbitol có xuất xứ từ Cộng hòa Ấn Độ, Cộng hòa In-đô-nê-xi-a và Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 10/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 37/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại;

Căn cứ Quyết định số 3752/QĐ-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Phòng vệ thương mại;

Căn cứ Quyết định số 3298/QĐ-BCT ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với một số sản phẩm Sorbitol có xuất xứ từ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Cộng hòa Ấn Độ và Cộng hòa In-đô-nê-xi-a;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-BCT ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời đối với một số

sản phẩm Sorbitol có xuất xứ từ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Cộng hòa Ấn Độ và Cộng hòa In-đô-nê-xi-a;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phòng vệ thương mại,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức đối với một số sản phẩm Sorbitol được phân loại theo các mã HS 2905.44.00 và 3824.60.00 có xuất xứ từ Cộng hòa Ấn Độ, Cộng hòa In-đô-nê-xi-a và Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (mã vụ việc: AD14). Nội dung chi tiết được nêu tại Thông báo kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Phòng vệ thương mại và Thủ trưởng các đơn vị, các bên liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TC, NG, TTTT;
- Tổng cục Hải quan;
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng;
- Các website: Chính phủ, Bộ Công Thương;
- Tổng cục Hải quan (Cục TXNK, Cục GSQL);
- Các Cục: CN, XNK;
- Các Vụ: AP, ĐB, PC;
- Văn phòng BCĐLNHNQT về kinh tế;
- Lưu: VT, PVTM (8).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Trần Quốc Khánh



BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức đối với một số sản phẩm Sorbitol có xuất xứ từ Cộng hòa Ấn Độ, Cộng hòa In-đô-nê-xi-a và Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2644/QĐ-BCT ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

1. Hàng hóa bị áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức

a) Tên gọi và đặc tính cơ bản

- Tên gọi: Siro sorbitol

- Đặc tính cơ bản: Siro sorbitol có các đặc tính phù hợp với Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6466:2008 – Phụ gia thực phẩm – Xirô Sorbitol, Quy chuẩn Việt Nam QCVN 4-33:2020/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phụ gia thực phẩm Siro sorbitol.

b) Mã số hàng hóa (Mã HS) và mức thuế nhập khẩu hiện hành

Tại thời điểm hiện tại, hàng hóa bị áp dụng thuế chống bán phá giá (CBPG) chính thức được phân loại theo mã HS sau: 2905.44.00 và 3824.60.00.

Mã số	Mô tả hàng hóa	Thuế nhập khẩu ưu đãi (Thuế MFN)
Phân VI	SẢN PHẨM CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT HOẶC CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP LIÊN QUAN	
Chương 29	HÓA CHẤT HỮU CƠ	
2905	Rượu mạch hở và các dẫn xuất halogen hóa, sulphonat hóa, nitro hóa hoặc nitroso hóa của chúng.	
	- Rượu đa chức khác:	

Mã số	Mô tả hàng hóa	Thuế nhập khẩu ưu đãi (Thuế MFN)
2905.44.00	- - D-glucitol (sorbitol)	5%
Chương 38	CÁC SẢN PHẨM HÓA CHẤT KHÁC	
3824	Chất gắn đã điều chế dùng cho các loại khuôn đúc hoặc lõi đúc; các sản phẩm và chế phẩm hóa học của ngành công nghiệp hóa chất hoặc các ngành công nghiệp có liên quan (kể cả các sản phẩm và chế phẩm chứa hỗn hợp các sản phẩm tự nhiên), chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác	
3824.60.00	- Sorbitol trừ loại thuộc phân nhóm 2905.44	5%

Bộ Công Thương có thể sửa đổi, bổ sung danh sách các mã HS của hàng hoá bị áp dụng thuế CBPG chính thức để phù hợp với mô tả hàng hoá bị điều tra và các thay đổi khác (nếu có).

Hàng hóa bị áp dụng thuế CBPG chính thức là hàng hóa có xuất xứ từ Cộng hòa Ấn Độ (Ấn Độ), Cộng hòa In-đô-nê-xi-a (In-đô-nê-xi-a) và Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc).

2. Kết luận điều tra chính thức

Kết luận điều tra chính thức của Cơ quan điều tra xác định rằng có tồn tại: (i) hành vi bán phá giá của hàng hóa nhập khẩu bị điều tra; (ii) ngành sản xuất trong nước đang chịu thiệt hại đáng kể; và (iii) có mối quan hệ nhân quả giữa việc nhập khẩu hàng hóa bán phá giá với thiệt hại đáng kể của ngành sản xuất trong nước.

Cơ quan điều tra đã gửi dự thảo Kết luận điều tra chính thức cho các bên liên quan đóng góp ý kiến theo quy định.

3. Mức thuế CBPG chính thức

STT	Tên công ty sản xuất xuất khẩu	Tên công ty nhập khẩu	Mức thuế nhập khẩu ưu đãi
	(Cột 1)	(Cột 2)	(Cột 3)
Ấn Độ			
1	Tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu hàng hóa có xuất xứ từ Ấn Độ	-	52,75%
In-đô-nê-xi-a			
2	PT Sorini Agro Asia Corporindo	-	44,39%
3	PT Sorini Towa Berlian Corporindo		
4	Tổ chức, cá nhân khác sản xuất, xuất khẩu hàng hóa có xuất xứ từ In-đô-nê-xi-a	-	57,55%
Trung Quốc			
5	Shandong Tianli Pharmaceutical Co., Ltd	Shandong Lianmeng International Trade Co., Ltd.	44,99%
6	Tổ chức, cá nhân khác sản xuất, xuất khẩu hàng hóa có xuất xứ từ Trung Quốc	-	68,50%

4. Hiệu lực và thời hạn áp dụng thuế CBPG chính thức

a) Hiệu lực

Thuế CBPG chính thức có hiệu lực kể từ ngày Quyết định áp dụng thuế CBPG chính thức được ban hành.

b) Thời hạn áp dụng

Thời hạn áp dụng thuế CBPG chính thức là 05 (năm) năm kể từ ngày Quyết định áp dụng thuế CBPG chính thức có hiệu lực (trừ trường hợp được thay đổi, gia hạn theo Quyết định khác của Bộ trưởng Bộ Công Thương).

5. Thủ tục, hồ sơ kiểm tra và áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức

Để có cơ sở xác định xuất xứ của hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng áp dụng thuế CBPG, Cơ quan Hải quan sẽ thực hiện kiểm tra chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa. Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa gồm:

a) Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O); hoặc

b) Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa phù hợp với quy định tại:

- Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương;

- Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực;

- Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu;

- Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ai-len; và

- Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN.

Nội dung kiểm tra cụ thể như sau:

Bước 1: Kiểm tra chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa

- Trường hợp 1: Nếu người khai hải quan không nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa thì áp dụng mức thuế CBPG là 68,50%.

- Trường hợp 2: Nếu người khai hải quan nộp được chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa từ nước, vùng lãnh thổ khác không phải là Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a và Trung Quốc thì không phải nộp thuế CBPG.

- Trường hợp 3: Nếu người khai hải quan nộp được chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa từ Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a và Trung Quốc thì chuyển sang Bước 2.

Bước 2: Kiểm tra Giấy chứng nhận chất lượng (bản gốc) của nhà sản xuất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận nhà sản xuất)

- Trường hợp 1: Nếu: (i) người khai hải quan không nộp được Giấy chứng nhận nhà sản xuất hoặc (ii) nộp được Giấy chứng nhận nhà sản xuất nhưng tên tổ chức, cá nhân trên Giấy chứng nhận không trùng với tên tổ chức, cá nhân nêu tại Cột 1 Mục 3 của Thông báo này thì nộp thuế CPBG ở mức như sau:

+ 52,75% đối với hàng hóa có chứng từ chứng nhận xuất xứ từ Ấn Độ;

+ 57,55% đối với hàng hóa có chứng từ chứng nhận xuất xứ từ In-đô-nê-xi-a; và

+ 68,50% đối với hàng hóa có chứng từ chứng nhận xuất xứ từ Trung Quốc.

- Trường hợp 2: Nếu người khai hải quan nộp được Giấy chứng nhận nhà sản xuất và tên tổ chức, cá nhân trên Giấy chứng nhận trùng với tên tổ chức, cá nhân nêu tại Cột 1 Mục 3 của Thông báo này thì chuyển sang Bước 3.

Bước 3: Kiểm tra tên tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu

- Trường hợp 1: Nếu tên tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu (dựa trên hợp đồng mua bán, hóa đơn thương mại) trùng với tên tổ chức, cá nhân nêu tại Cột 1 hoặc trùng với tên tổ chức, cá nhân tương ứng theo hàng ngang tại Cột 2 thì nộp mức thuế tương ứng theo hàng ngang tại Cột 3 Mục 3 của Thông báo này.

- Trường hợp 2: Nếu tên tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu (dựa trên hợp đồng mua bán, hóa đơn thương mại) không trùng với tên tổ chức, cá nhân tại Cột 1 Mục 3 hoặc không trùng với tên tổ chức, cá nhân tương ứng theo hàng ngang tại Cột 2 Mục 3 thì nộp thuế CPBG ở mức như sau:

+ 52,75% đối với hàng hóa có chứng từ chứng nhận xuất xứ từ Ấn Độ;

+ 57,55% đối với hàng hóa có chứng từ chứng nhận xuất xứ từ In-đô-nê-xi-a; và

+ 68,50% đối với hàng hóa có chứng từ chứng nhận xuất xứ từ Trung Quốc.

6. Mức chênh lệch thuế CBPG

Trong vụ việc này, các tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu có tên sau đây được xác định có chênh lệch giữa mức thuế CBPG chính thức và mức thuế CBPG tạm thời:

STT	Tên tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu	Tên công ty thương mại liên quan	Mức thuế CBPG tạm thời	Mức thuế CBPG chính thức	Chênh lệch mức thuế CBPG
			(1)	(2)	(3)=(2)-(1)
In-đô-nê-xi-a					
1	PT Sorini Agro Asia Corporindo	-	39,63%	44,39%	4,76%
2	PT Sorini Towa Berlian Corporindo	-	56,46%		-12,07%
Trung Quốc					
3	Shandong Tianli Pharmaceutical Co., Ltd	-	45,15%	44,99%	-0,16%

- Trong trường hợp mức chênh lệch thuế CBPG tại Cột (3) bảng trên nhỏ hơn 0 (không), tổ chức, cá nhân nhập khẩu được hoàn lại khoản chênh lệch về thuế đã nộp theo quy định tại khoản 5 Điều 68 Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14.

- Trong trường hợp mức chênh lệch thuế CBPG tại Cột (3) bảng trên lớn hơn hoặc bằng 0 (không), tổ chức, cá nhân nhập khẩu không bị truy thu khoản chênh lệch về thuế.

7. Trình tự thủ tục tiếp theo của vụ việc

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 16 Thông tư số 37/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, Cơ quan điều tra sẽ thông

báo về việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị miễn trừ sau khi Bộ Công Thương ban hành quyết định áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại.